

Kon Tum, ngày 06 tháng 6 năm 2019

## HƯỚNG DẪN

### **Quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Nhằm giúp Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng, thực hiện việc quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đúng quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và theo các quy định hiện hành, Liên ngành: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh hướng dẫn, lưu ý một số nội dung quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã (UBND cấp xã), tổ chức khác thuộc huyện, thành phố (gọi tắt là cấp huyện) được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng, cụ thể như sau:

#### **I. Mục tiêu, nguyên tắc quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng**

1. Mục tiêu quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng: Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng được quản lý và sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các xã, thị trấn.

#### **2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng**

- Quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng phải thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- UBND cấp xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng xây dựng phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt để triển khai thực hiện từ năm 2021 trở đi<sup>(1)</sup>, gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

<sup>(1)</sup> Phương án quản lý bảo vệ rừng và sử dụng kinh phí dịch vụ môi trường rừng của UBND cấp xã đã được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện cho giai đoạn 2015-2020.

- Tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

- UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng để nhận tiền dịch vụ môi trường rừng.

- Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của năm trước chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

## **II. Căn cứ pháp lý**

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

- Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn; số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

- Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 25/02/2014 của UBND tỉnh về việc quy định mức chi thanh toán chi phí cho các tổ chức, cá nhân được huy động để ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng trái pháp luật và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Các Văn bản khác có liên quan.

## **III. Quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.**

### **1. Nguồn thu**

1.1. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng nhận được trong năm từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (*gồm có: số tiền dịch vụ môi trường rừng được tạm ứng trong năm và số tiền dịch vụ môi trường rừng còn lại của năm trước*).

1.2. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm trước của UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng chưa phân bổ sử dụng chuyển sang năm sau.

1.3. Các khoản thu khác từ tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định (*nếu có*).

### **2. Sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng**

2.1. UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng xây dựng dự toán sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch



cấp huyện thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo dõi, kiểm tra, giám sát.

## 2.2. Nội dung chi:

a) Đối với diện tích rừng được khoán toàn bộ cho cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng dân cư thôn thì UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được trích 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng để chi cho công tác quản lý các khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Khoản 4 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; số tiền dịch vụ môi trường rừng còn lại thực hiện xác định, chi trả cho cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng dân cư thôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 69 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

b) Đối với diện tích rừng có khoán một phần diện tích bảo vệ rừng cho cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng dân cư thôn được trích 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho diện tích rừng khoán bảo vệ nêu trên; số tiền dịch vụ môi trường rừng còn lại được xác định, chi trả cho cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng dân cư thôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 69 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ sau khi đã trích kinh phí quản lý. Số tiền dịch vụ môi trường rừng nhận được cho diện tích rừng do UBND cấp xã, tổ chức khác tự tổ chức quản lý, bảo vệ và số tiền dịch vụ môi trường rừng được trích 10% của diện tích khoán nêu trên để chi cho công tác quản lý các khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Khoản 4 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

c) Đối với diện tích rừng không khoán bảo vệ rừng thì UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được nhận toàn bộ số tiền tương ứng với diện tích rừng tự quản lý, bảo vệ để sử dụng chi cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng theo quy định tại Khoản 4 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

## 3. Mức chi

Thực hiện theo các Văn bản của Trung ương quy định hiện hành và Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 25/02/2014 của UBND tỉnh<sup>2</sup>.

## IV. Lập dự toán, chế độ kế toán và quyết toán tài chính UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng

1. Lập dự toán thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và thẩm quyền phê duyệt dự toán

### 1.1. Lập dự toán

Hàng năm, căn cứ Phương án quản lý bảo vệ rừng và sử dụng kinh phí dịch vụ môi trường rừng của UBND cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của

<sup>2</sup> Trường hợp UBND tỉnh ban hành quyết định, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thì thực hiện theo Văn bản mới của UBND tỉnh.

UBND tỉnh và số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng được sử dụng trong năm (gồm: số tiền theo kế hoạch phê duyệt của UBND tỉnh; số tiền năm trước còn được nhận trong năm; khoản thu khác từ tiền chi trả dịch vụ môi trường phát sinh theo quy định và tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm trước chưa được phân bổ chuyển sang). UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng có trách nhiệm lập dự toán thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trong năm.

UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng lập dự toán thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo các văn bản hướng dẫn quy định tại Mục III nêu trên.

### 1.2. Thẩm quyền phê duyệt dự toán

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định theo đề nghị của UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng, trình UBND cấp huyện phê duyệt dự toán để triển khai thực hiện. Sau khi phê duyệt UBND cấp huyện gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và Kho bạc nhà nước cấp huyện (nếu mở tài khoản tại kho bạc) để theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định.

1.3. Chấp hành dự toán: Căn cứ dự toán thu, chi được phê duyệt, UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng điều hành thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng theo tiến độ nguồn thu, nhiệm vụ chi, đúng tiêu chuẩn chế độ, định mức, tiết kiệm và có hiệu quả.

## 2. Chế độ kế toán

UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng thực hiện công tác kế toán theo quy định hiện hành về chế độ kế toán đối với từng loại hình tổ chức.

### 3. Quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng và cơ quan thẩm định

#### 3.1. Thời gian nộp báo cáo quyết toán

UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng khóa sổ kế toán, lập và nộp báo cáo theo quy định về quản lý tài chính đối với từng loại hình tổ chức.

#### 3.2. Thẩm định, xét duyệt báo cáo quyết toán

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định, xét duyệt Báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định. Báo cáo quyết toán sau khi được xét duyệt gửi cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Kho bạc nhà nước cấp huyện (nếu mở tài khoản tại kho bạc) để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

3.3. Thời gian thẩm định, xét duyệt quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ tài chính đối với từng loại hình tổ chức.



4. Chế độ báo cáo: UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động cho Hội đồng nhân dân cấp xã (đối với UBND cấp xã), Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

## 5. Kiểm tra, giám sát và công khai tài chính

### 5.1. Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng

- UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng tổ chức kiểm tra, giám sát công tác quản lý và bảo vệ diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng được giao quản lý; đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo hướng dẫn này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- UBND cấp xã tổ chức kiểm tra, giám sát công tác quản lý và bảo vệ diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng đã khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.

- UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng chịu sự chỉ đạo toàn diện của UBND cấp huyện; sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và chịu sự kiểm tra, giám sát của các Sở, ban ngành và các tổ chức, cơ quan, đoàn thể khác về thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Các cơ quan, tổ chức và toàn thể nhân dân tham gia giám sát đối với UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng liên quan đến quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng.

### 5.2. Công khai tài chính

- UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng thực hiện công khai tài chính theo đúng quy định của pháp luật quy định hiện hành. Trong đó lưu ý công khai danh sách đối tượng được chi trả, số tiền được chi trả, kế hoạch chi trả hằng quý, hằng năm theo Quy chế dân chủ tại cơ sở bằng các hình thức: niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và tại nơi họp cộng đồng dân cư thôn hoặc nơi công cộng thuận lợi nhất để người dân tiện theo dõi; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn hoặc công bố trong hội nghị nhân dân của xã, thôn.

- Đối với UBND cấp xã, tổ chức khác thuộc cấp huyện có khoán quản lý, bảo vệ rừng thực hiện thanh toán qua tài khoản ngân hàng hoặc giao dịch thanh toán điện tử để chi trả cho cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng.

6. Quản lý, sử dụng tài sản: Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn của cấp thẩm quyền.



Liên ngành: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh đề nghị UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, thành phố; UBND các xã, thị trấn, tổ chức khác thuộc cấp huyện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng tổ chức triển khai thực hiện theo hướng dẫn này.

Văn bản này được áp dụng từ ngày ký ban hành và thay thế Hướng dẫn tạm thời số 03/HD-LN ngày 10/7/2018 của Liên ngành Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Trong quá trình triển khai thực hiện hướng dẫn này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có sự thay đổi về cơ chế, chính của Nhà nước, đề nghị phản ánh kịp thời về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để tổng hợp, báo cáo liên ngành xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

**SỞ TÀI CHÍNH**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Văn Trung**

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Tấn Liêm**

**QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**  
**GIÁM ĐỐC**  
**Hồ Thanh Hoàng**



**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, thị trấn có diện tích rừng cung ứng DVMTR;
- Tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố;
- Lưu VT, PNV 03 đơn vị.